

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hà Nội - Tháng 2 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 7 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 5 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 438 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm 19/5/2012)
	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Uỷ viên
	Bà An Thị Ngọc Lan	Uỷ viên (bổ nhiệm 19/5/2012)
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Uỷ viên (bổ nhiệm 19/5/2012)
	Ông Bùi Hồng Sơn	Uỷ viên (bổ nhiệm 19/5/2012)
	Ông Nguyễn Ngọc Thưởng	Chủ tịch (miễn nhiệm 19/5/2012)
	Ông Lê Văn Vĩnh	Uỷ viên (miễn nhiệm 19/5/2012)
	Ông Nguyễn Thành Thiên	Uỷ viên (miễn nhiệm 19/5/2012)
	Ông Trần Đắc Xuân	Uỷ viên (miễn nhiệm 19/5/2012)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Giám đốc (bổ nhiệm 01/6/2012)
	Bà An Thị Ngọc Lan	Phó giám đốc -Phó Giám đốc (bổ nhiệm 01/6/2012)
	Ông Lê Văn Vĩnh	Giám đốc (miễn nhiệm 01/6/2012)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nguyễn Trọng Hậu
Giám đốc

Hà Nội, ngày 26th tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26~~9~~ tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), trình bày từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày trên, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

**Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0496/KTV****Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0779/KTV**

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 26~~11~~ tháng 2-3 năm 2013

Phan Thanh Nam Nguyễn Quốc Dương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		53.509.036.676	48.303.629.808
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.511.872.598	6.812.316.814
1. Tiền	111		7.511.872.598	6.812.316.814
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.859.529.548	33.535.767.876
1. Phải thu khách hàng	131		37.384.449.404	33.240.130.583
2. Trả trước cho người bán	132		425.250.000	261.525.736
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	49.830.144	34.111.557
IV- Hàng tồn kho	140		7.653.470.121	7.675.473.418
1. Hàng tồn kho	141	5.3	7.653.470.121	7.675.473.418
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		484.164.409	280.071.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		130.647.086	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	328.517.323	240.071.700
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	25.000.000	40.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		18.996.397.076	16.374.941.970
II Tài sản cố định	220		17.232.622.309	14.633.161.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.526.671.164	1.196.286.266
- Nguyên giá	222		6.822.477.408	6.775.059.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.295.806.244)	(5.578.773.033)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	8.078.182.000	8.257.690.000
- Nguyên giá	228		8.975.572.591	8.975.572.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(897.390.591)	(717.882.591)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	7.627.769.145	5.179.185.260
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	1.541.718.317	1.651.697.669
1. Nguyên giá	241		3.135.175.910	3.135.175.910
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.593.457.593)	(1.483.478.241)
V. Tài sản dài hạn khác	260		222.056.450	90.082.775
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	222.056.450	66.762.775
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	23.320.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		72.505.433.752	64.678.571.778

Formatted: Font: Times New Roman, 11 pt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		41.307.605.974	30.270.737.452
(300 = 310+330)				
I- Nợ ngắn hạn	310		40.493.805.974	29.527.308.756
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	30.000.000.000	25.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		4.498.592.445	262.850.605
3. Người mua trả tiền trước	313		84.802.667	167.393.820
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	297.161.061	61.695.158
5. Phải trả người lao động	315		1.561.283.451	1.388.795.622
6. Chi phí phải trả	316	5.13	268.684.000	143.863.625
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	5.14	3.510.042.500	1.745.536.476
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		273.239.850	557.173.450
II- Nợ dài hạn	330		813.800.000	743.428.696
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	813.800.000	458.010.500
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	285.418.196
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.197.827.778	34.407.834.326
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410		31.197.827.778	34.407.834.326
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	21.000.000.000	21.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16	7.846.963.255	7.448.199.250
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16	2.132.615.858	2.132.615.858
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16	218.248.665	3.827.019.218
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			72.505.433.752	64.678.571.778
(440 = 300+400)	440			

Formatted: Font: Times New Roman, 11 pt

Formatted: Left

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		41.307.605.974	30.270.737.452
(300 = 310+330)				
I- Nợ ngắn hạn	310		40.493.805.974	29.527.308.756
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	30.000.000.000	25.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		4.498.592.445	262.850.605
3. Người mua trả tiền trước	313		84.802.667	167.393.820
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	297.161.061	61.695.158
5. Phải trả người lao động	315		1.561.283.451	1.388.795.622
6. Chi phí phải trả	316	5.13	268.684.000	143.863.625
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	5.14	3.510.042.500	1.745.536.476
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		273.239.850	557.173.450
II- Nợ dài hạn	330		813.800.000	743.428.696
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	813.800.000	458.010.500
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	285.418.196
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.197.827.778	34.407.834.326
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410		31.197.827.778	34.407.834.326
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	21.000.000.000	21.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16	7.846.963.255	7.448.199.250
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16	2.132.615.858	2.132.615.858
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16	218.248.665	3.827.019.218
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			72.505.433.752	64.678.571.778
(440 = 300+400)	440			

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngân
Đoàn Thị Ngọc Lan

Đoàn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Trọng Hậu

Comment [PTN1]: Người khác chứ?

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS TM		Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.024.758.156.102	904.047.979.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.024.758.156.102	904.047.979.884
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.005.230.636.872	883.188.629.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.527.519.230	20.859.350.384
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	73.900.531	99.990.633
7. Chi phí tài chính	22	5.20	3.246.737.856	3.041.074.027
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.246.737.856</i>	<i>3.041.074.027</i>
8. Chi phí bán hàng	24		9.255.582.997	10.672.580.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.449.193.177	4.755.301.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(350.094.269)	2.490.384.877
11. Thu nhập khác	31	5.21	964.338.662	126.843.539
12. Chi phí khác	32	5.21	37.736.025	13.555.788
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		926.602.637	113.287.751
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		576.508.368	2.603.672.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	69.755.583	301.273.600
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		506.752.785	2.302.399.028
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	241	1.096

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.024.758.156.102	904.047.979.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.024.758.156.102	904.047.979.884
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.005.230.636.872	883.188.629.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.527.519.230	20.859.350.384
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	73.900.531	99.990.633
7. Chi phí tài chính	22	5.20	3.246.737.856	3.041.074.027
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.246.737.856</i>	<i>3.041.074.027</i>
8. Chi phí bán hàng	24		9.255.582.997	10.672.580.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.449.193.177	4.755.301.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(350.094.269)	2.490.384.877
11. Thu nhập khác	31	5.21	964.338.662	126.843.539
12. Chi phí khác	32	5.21	37.736.025	13.555.788
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		926.602.637	113.287.751
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		576.508.368	2.603.672.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	69.755.583	301.273.600
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		506.752.785	2.302.399.028
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	241	1.096

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngân
Đoàn Thị Ngọc Lan

Đoàn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Trọng Hậu

Formatted: Font: 11 pt

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.122.771.041.580	979.890.544.422
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.104.680.108.299)	(971.764.512.786)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.618.328.164)	(10.358.059.031)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.196.223.856)	(3.041.074.027)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(208.666.235)	(1.118.986.097)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.100.820.663	1.356.821.749
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.154.100.379)	(5.519.584.085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.435.310	(10.554.849.855)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.853.938.612)	(2.750.875.850)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.900.531	99.990.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.780.038.081)	(2.650.885.217)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	224.020.000.000	131.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(219.220.000.000)	(106.300.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.334.841.445)	(7.950.160.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.465.158.555	17.249.839.658
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	699.555.784	4.044.104.586
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.812.316.814	2.768.212.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	7.511.872.598	6.812.316.814

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.122.771.041.580	979.890.544.422
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.104.680.108.299)	(971.764.512.786)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.618.328.164)	(10.358.059.031)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.196.223.856)	(3.041.074.027)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(208.666.235)	(1.118.986.097)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.100.820.663	1.356.821.749
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.154.100.379)	(5.519.584.085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.435.310	(10.554.849.855)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.853.938.612)	(2.750.875.850)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.900.531	99.990.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.780.038.081)	(2.650.885.217)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	224.020.000.000	131.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(219.220.000.000)	(106.300.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.334.841.445)	(7.950.160.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.465.158.555	17.249.839.658
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	699.555.784	4.044.104.586
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.812.316.814	2.768.212.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	7.511.872.598	6.812.316.814

Comment [PTN2]: Thu chi khác nhiều quá

Formatted: Font: Times New Roman, 11 pt

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26~~0~~ tháng 02 năm 2013

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngân~~Đoàn Thị~~
Ngọc Lan

Đoàn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 7 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ 21.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	1.077.200	10.772.000.000	51%
Các cổ đông khác	1.022.800	10.228.000.000	49%

Cộng

Địa chỉ đăng ký: Số 438 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân: 171 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô;
- Cho thuê nhà làm văn phòng làm việc cho khách trong và ngoài nước bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ khách sạn, dịch vụ du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí, (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm, điện máy, thực phẩm công nghệ, nông thổ sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu, kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên dụng phục vụ kinh doanh xăng dầu: Cột bơm xăng, các loại ống dẫn và phụ tùng phục vụ trong xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu nhiên liệu: xăng, dầu Diesel, dầu lửa, dầu mazut, dầu mỡ bôi trơn và công nghiệp; gas; than và hàng công nghiệp tiêu dùng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 là kinh doanh xăng dầu nhiên liệu và cho thuê văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Formatted: Font: Bold

Formatted: Indent: First line: 0.5"

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2012

(số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Formatted: Font: 7 pt

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư gồm nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 20 đến 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ảnh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thụ được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ Tài chính, Bộ Công thương và các Cơ quan có liên quan qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tuy nhiên theo tiêu chí về Báo cáo bộ phận, hoạt động kinh doanh của Công ty không đáp ứng đầy đủ các điều kiện về Báo cáo bộ phận nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.426.439.708	2.074.078.462
Tiền gửi ngân hàng	6.085.432.890	4.738.238.352
Tổng	7.511.872.598	6.812.316.814
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.426.439.708	2.074.078.462
Tiền gửi ngân hàng	6.085.432.890	4.738.238.352
Tổng	7.511.872.598	6.812.316.814

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	49.830.144	34.111.557
Tổng	49.830.144	34.111.557
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	49.830.144	34.111.557
Tổng	49.830.144	34.111.557

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.374.500	45.747.500
Công cụ, dụng cụ	156.382.727	-
Hàng hoá	7.490.712.894	7.629.725.918
Tổng	7.653.470.121	7.675.473.418
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.374.500	45.747.500
Công cụ, dụng cụ	156.382.727	-
Hàng hoá	7.490.712.894	7.629.725.918
Tổng	7.653.470.121	7.675.473.418

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.4 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa		50.465.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	328.521.327	189.606.671
Tổng	328.521.327	240.071.700

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	50.465.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	328.517.323	189.606.671
Tổng	328.517.323	240.071.700

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	25.000.000	40.000.000
Tổng	25.000.000	40.000.000

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	25.000.000	40.000.000
Tổng	25.000.000	40.000.000

Formatted: Font: 11 pt, Bold

Formatted Table

Formatted: Left: 0.63", Width: 11.69",
Height: 8.27"

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	3.226.534.190	2.749.687.887	360.000.000	438.837.222	-	6.775.059.299
Tăng trong năm	117.201.545	434.872.727	-	137.401.637	27.200.000	716.675.909
Mua trong năm	37.287.000	434.872.727	-	137.401.637	27.200.000	636.761.364
Đầu tư XDCB	79.914.545	-	-	-	-	79.914.545
Giảm trong năm	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Thanh lý, nhượng bán	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Số dư tại 31/12/2012	3.207.877.935	2.651.160.614	360.000.000	576.238.859	27.200.000	6.822.477.408
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	2.444.702.539	2.442.127.557	360.000.000	331.942.937	-	5.578.773.033
Tăng trong năm	196.163.773	151.895.633	-	38.231.605	-	386.291.011
Khấu hao trong năm	196.163.773	151.895.633	-	38.231.605	-	386.291.011
Giảm trong năm	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Thanh lý, nhượng bán	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Số dư tại 31/12/2012	2.505.008.512	2.060.623.190	360.000.000	370.174.542	-	5.295.806.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	781.831.651	307.560.330	-	106.894.285	-	1.196.286.266
Tại 31/12/2012	702.869.423	590.537.424	-	206.064.317	27.200.000	1.526.671.164

Formatted Table

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	3.226.534.190	2.749.687.887	360.000.000	438.837.222	-	6.775.059.299
Tăng trong năm	117.201.545	434.872.727	-	137.401.637	27.200.000	716.675.909
Mua trong năm	37.287.000	434.872.727	-	137.401.637	27.200.000	636.761.364
Đầu tư XD CB	79.914.545	-	-	-	-	79.914.545
Giảm trong năm	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Thanh lý, nhượng bán	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Số dư tại 31/12/2012	3.207.877.935	2.651.160.614	360.000.000	576.238.859	27.200.000	6.822.477.408
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	2.444.702.539	2.442.127.557	360.000.000	331.942.937	-	5.578.773.033
Tăng trong năm	196.163.773	151.895.633	-	38.231.605	-	386.291.011
Khấu hao trong năm	196.163.773	151.895.633	-	38.231.605	-	386.291.011
Giảm trong năm	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Thanh lý, nhượng bán	135.857.800	533.400.000	-	-	-	669.257.800
Số dư tại 31/12/2012	2.505.008.512	2.060.623.190	360.000.000	370.174.542	-	5.295.806.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	781.831.651	307.560.330	-	106.894.285	-	1.196.286.266
Tại 31/12/2012	702.869.423	590.537.424	-	206.064.317	27.200.000	1.526.671.164

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2012 với giá trị là 3.587.580.655 đồng, năm 2011 là 3.168.945.654 đồng.

TSCĐ thế chấp, cầm cố ...?

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất 50 năm tại số 1 Thi Sách và số 5 Dã Tượng với nguyên giá 8.975.572.591 đồng, thời gian trích khấu hao theo thời gian thuê là 50 năm, hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 897.390.591 đồng.

Formatted Table

Formatted: Font: 11 pt

Formatted: Condensed by 0.3 pt

Formatted: Indent: First line: 0.5"

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.179.185.260	2.381.641.410
Tăng	2.528.498.430	2.797.543.850
Kết chuyển tăng tài sản cố định	79.914.545	-
Tại ngày 31/12	7.627.769.145	5.179.185.260
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi tiết công trình lớn		
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	3.318.871.248	1.298.404.888
Dự án Thi Sách	2.139.473.836	1.711.356.311
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án số 249 Thụy Khuê	589.996.268	589.996.268
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Dự án 189A Tây Sơn	173.391.766	173.391.766
	7.627.769.145	5.179.185.260
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.179.185.260	2.381.641.410
Tăng	2.528.498.430	2.797.543.850
Kết chuyển tăng tài sản cố định	79.914.545	-
Tại ngày 31 tháng 12	7.627.769.145	5.179.185.260
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi tiết công trình lớn		
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	3.318.871.248	1.298.404.888
Dự án Thi Sách	2.139.473.836	1.711.356.311
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042
Dự án số 249 Thụy Khuê	589.996.268	589.996.268
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271
Dự án 189A Tây Sơn	173.391.766	173.391.766
Tổng	7.627.769.145	5.179.185.260

Formatted: Section start: New page, Footer distance from edge: 0.33"

Formatted: Font: 11 pt, Bold

Formatted: Font: 1 pt

5.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa và các kiot sử dụng với mục đích cho thuê. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 20-50 năm. Tại thời điểm 31/12/2012, nguyên giá bất động sản đầu tư 3.135.175.910 đồng, khấu hao lũy kế 1.593.457.593 đồng.

Formatted: Font: 6 pt

Formatted: Expanded by 0.2 pt

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

Formatted: Font: 4 pt

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	66.762.775	98.252.675
Tăng	302.579.695	90.453.636
Phân bổ vào chi phí trong năm	120.573.705	121.943.536
Tại ngày 31 tháng 12	248.768.765	66.762.775
Chi tiết chi phí	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ	248.768.765	66.762.775
Tổng	248.768.765	66.762.775
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	66.762.775	98.252.675
Tăng	302.579.695	90.453.636
Phân bổ vào chi phí trong năm	120.573.705	121.943.536
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	248.768.765	66.762.775
Chi tiết chi phí	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ	222.056.450	66.762.775
Tổng	222.056.450	66.762.775

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.11 Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	30.000.000.000	25.200.000.000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	-	11.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	25.000.000.000	13.700.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	5.000.000.000	-
Tổng	30.000.000.000	25.200.000.000
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	30.000.000.000	25.200.000.000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	-	11.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	25.000.000.000	13.700.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	5.000.000.000	-
Tổng	30.000.000.000	25.200.000.000

Formatted: Font: 11 pt, Bold

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	232.698.670	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.414.676	27.537.667
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	37.047.715	34.157.491
Tổng	297.161.061	61.695.158

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	232.698.670	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.414.676	27.537.667
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	37.047.715	34.157.491
Tổng	297.161.061	61.695.158

Formatted: Left, Indent: Left: 0"

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	50.514.000	-
Chi phí phải trả khác	218.170.000	143.863.625
Tổng	268.684.000	143.863.625

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	50.514.000	-
Chi phí phải trả khác	218.170.000	143.863.625
Tổng	268.684.000	143.863.625

Formatted: Font: 11 pt, Bold

Formatted: Indent: Left: 0"

Formatted: Indent: Left: 0"

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.035.000	23.585.050
Bảo hiểm xã hội	8.287.233	7.869.543
Bảo hiểm y tế	3.045.279	2.449.575
Bảo hiểm thất nghiệp	544.423	258.153
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.468.130.565	1.711.374.155
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.882.524.000</i>	<i>1.354.224.000</i>
<i>Đền bù giải phóng mặt bằng quỹ Ngõ Quyền</i>	<i>-</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô (Lãi liên kết)</i>	<i>137.473.433</i>	<i>97.532.499</i>
<i>Đền bù GPMB tại số 189 Tây Sơn</i>	<i>439.962.000</i>	<i>-</i>
<i>Thanh tra Sở Giao thông Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>54.430.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>8.171.132</i>	<i>5.187.656</i>
Tổng	3.510.042.500	1.745.536.476

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.035.000	23.585.050
Bảo hiểm xã hội	8.287.233	7.869.543
Bảo hiểm y tế	3.045.279	2.449.575
Bảo hiểm thất nghiệp	544.423	258.153
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.468.130.565	1.711.374.155
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.882.524.000</i>	<i>1.354.224.000</i>
<i>Đền bù giải phóng mặt bằng quỹ Ngõ Quyền</i>	<i>-</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô (Lãi liên kết)</i>	<i>137.473.433</i>	<i>97.532.499</i>
<i>Đền bù GPMB tại số 189 Tây Sơn</i>	<i>439.962.000</i>	<i>-</i>
<i>Thanh tra Sở Giao thông Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>54.430.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>8.171.132</i>	<i>5.187.656</i>
Tổng	3.510.042.500	1.745.536.476

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.15 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký cược ký quỹ dài hạn	813.800.000	458.010.500
Tổng	813.800.000	458.010.500
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký cược ký quỹ dài hạn	813.800.000	458.010.500
Tổng	813.800.000	458.010.500

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	21.000.000.000	5.645.019.623	1.451.731.272	9.409.913.452	37.506.664.347
Tăng trong năm	-	1.803.179.627	680.884.586	2.302.399.028	4.786.463.241
Lãi	-	-	-	2.302.399.028	2.302.399.028
Phân phối lợi nhuận	-	1.803.179.627	680.884.586	-	2.484.064.213
Giảm trong năm	-	-	-	7.885.293.262	7.885.293.262
Chi trả cổ tức	-	-	-	3.990.000.000	3.990.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	502.762.208	502.762.208
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	3.348.948.799	3.348.948.799
Giảm khác	-	-	-	43.582.255	43.582.255
Số dư tại 31/12/2011	21.000.000.000	7.448.199.250	2.132.615.858	3.827.019.218	34.407.834.326
Số dư tại 01/01/2012	21.000.000.000	7.448.199.250	2.132.615.858	3.827.019.218	34.407.834.326
Tăng trong năm	-	398.764.005	-	506.752.785	905.516.790
Lãi	-	-	-	506.752.785	506.752.785
Trích quỹ	-	398.764.005	-	-	398.764.005
Giảm trong năm	-	-	-	4.115.523.338	4.115.523.338
Chi trả cổ tức	-	-	-	2.940.000.000	2.940.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	150.810.000	150.810.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	398.764.005	398.764.005
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	140.000.000	140.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	485.949.333	485.949.333
Số dư tại 31/12/2012	21.000.000.000	7.846.963.255	2.132.615.858	218.248.665	31.197.827.778

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	21.000.000.000	5.645.019.623	1.451.731.272	9.409.913.452	37.506.664.347
Tăng trong năm	-	1.803.179.627	680.884.586	2.302.399.028	4.786.463.241
Lãi	-	-	-	2.302.399.028	2.302.399.028
Phân phối lợi nhuận	-	1.803.179.627	680.884.586	-	2.484.064.213
Giảm trong năm	-	-	-	7.885.293.262	7.885.293.262
Chi trả cổ tức	-	-	-	3.990.000.000	3.990.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	502.762.208	502.762.208
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	3.348.948.799	3.348.948.799
Giảm khác	-	-	-	43.582.255	43.582.255
Số dư tại 31/12/2011	21.000.000.000	7.448.199.250	2.132.615.858	3.827.019.218	34.407.834.326
Số dư tại 01/01/2012	21.000.000.000	7.448.199.250	2.132.615.858	3.827.019.218	34.407.834.326
Tăng trong năm	-	398.764.005	-	506.752.785	905.516.790
Lãi	-	-	-	506.752.785	506.752.785
Trích quỹ	-	398.764.005	-	-	398.764.005
Giảm trong năm	-	-	-	4.115.523.338	4.115.523.338
Chi trả cổ tức	-	-	-	2.940.000.000	2.940.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	150.810.000	150.810.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	398.764.005	398.764.005
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	140.000.000	140.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	485.949.333	485.949.333
Số dư tại 31/12/2012	21.000.000.000	7.846.963.255	2.132.615.858	218.248.665	31.197.827.778

Formatted: Font: 11 pt

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	10.772.000.000	10.772.000.000
Cổ đông khác	10.228.000.000	10.228.000.000
Tổng	21.000.000.000	21.000.000.000
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	10.772.000.000	10.772.000.000
Cổ đông khác	10.228.000.000	10.228.000.000
Tổng	21.000.000.000	21.000.000.000

Formatted: Font: 11 pt, Bold

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.000.000.000	21.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.940.000.000	3.990.000.000
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.000.000.000	21.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.940.000.000	3.990.000.000

Formatted: Font: 11 pt, Bold

d. Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000
	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

Formatted: Font: 11 pt, Bold

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	7.846.963.255	7.448.199.250
Quỹ dự phòng tài chính	2.132.615.858	2.132.615.858
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	7.846.963.255	7.448.199.250
Quỹ dự phòng tài chính	2.132.615.858	2.132.615.858

Formatted: Font: 11 pt, Bold

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	1.021.715.360.977	900.819.135.171
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.042.795.125	3.228.844.713
Cộng	<u>1.024.758.156.102</u>	<u>904.047.979.884</u>
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	1.021.715.360.977	900.819.135.171
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.042.795.125	3.228.844.713
Tổng	<u>1.024.758.156.102</u>	<u>904.047.979.884</u>

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.003.322.048.133	882.372.582.101
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.908.588.739	816.047.399
Tổng	<u>1.005.230.636.872</u>	<u>883.188.629.500</u>
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.003.322.048.133	882.372.582.101
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.908.588.739	816.047.399
Tổng	<u>1.005.230.636.872</u>	<u>883.188.629.500</u>

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.900.531	99.990.633
Tổng	<u>73.900.531</u>	<u>99.990.633</u>
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.900.531	99.990.633
Tổng	<u>73.900.531</u>	<u>99.990.633</u>

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.20 Chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	3.246.737.856	3.041.074.027
Tổng	3.246.737.856	3.041.074.027
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	3.246.737.856	3.041.074.027
Tổng	3.246.737.856	3.041.074.027

Formatted: Font: 11 pt, Bold

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	964.338.662	126.843.539
Thu thanh lý tài sản cố định	50.000.000	-
Đền bù giải phóng mặt bằng	600.000.000	113.004.311
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	277.690.896	-
Thu nhập khác	36.647.766	13.839.228
Chi phí khác	37.736.025	13.555.788
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	9.120.000	-
Các khoản tiền phạt	26.800.000	-
Chi phí khác	1.816.025	13.555.788
Tổng	926.602.637	113.287.751
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	964.338.662	126.843.539
Thu thanh lý tài sản cố định	50.000.000	-
Đền bù giải phóng mặt bằng	600.000.000	113.004.311
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	277.690.896	-
Thu nhập khác	36.647.766	13.839.228
Chi phí khác	37.736.025	13.555.788
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	9.120.000	-
Các khoản tiền phạt	26.800.000	-
Chi phí khác	1.816.025	13.555.788
Tổng	926.602.637	113.287.751

Formatted: Font: 11 pt, Bold

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	576.508.368	2.603.672.628
Trong đó:		
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	188.463.298	96.000.000
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (chia lãi liên doanh liên kết trước thuế)	485.949.333	502.762.208
Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động KD	279.022.333	2.196.910.420
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.755.583	549.227.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	247.954.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm hiện hành	69.755.583	301.273.600
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	576.508.368	2.603.672.628
Trong đó:		
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	188.463.298	96.000.000
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (chia lãi liên doanh liên kết trước thuế)	485.949.333	502.762.208
Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động KD	279.022.333	2.196.910.420
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.755.583	549.227.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	247.954.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm hiện hành	69.755.583	301.273.600

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Formatted: Font: 11 pt

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	506.756.789	2.302.399.028
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	506.756.789	2.302.399.028
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.100.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	241	1.096
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	506.752.785	2.302.399.028
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	506.752.785	2.302.399.028
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.100.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	241	1.096

Formatted: Font: 11 pt

5.24 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.029.232	232.321.927
Chi phí nhân công	12.004.022.163	12.118.198.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	675.778.363	739.089.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.821.020	427.783.416
Thuế phí, lệ phí	3.225.910.466	-
Chi phí khác bằng tiền	1.945.717.309	2.247.203.259
Cộng	18.544.278.553	15.764.596.465
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.029.232	232.321.927
Chi phí nhân công	12.004.022.163	12.118.198.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	675.778.363	739.089.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.821.020	427.783.416
Thuế phí, lệ phí	3.225.910.466	-
Chi phí khác bằng tiền	1.945.717.309	2.247.203.259
Tổng	18.544.278.553	15.764.596.465

Formatted: Font: 11 pt, Bold

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Giao dịch với các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Bên liên quan	Mối quan hệ giao dịch	Tính chất	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch bán hàng				
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	40.007.369.073	56.015.810.510
Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	44.296.313.689	20.839.519.661
Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô (Xí nghiệp xe điện Hà Nội)	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	34.679.896.545	10.349.779.156
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	56.182.859.000	49.867.076.726
Trung tâm Tân Đạt - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	40.680.590.273	37.284.537.506
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	80.474.337.409	71.258.264.104
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	11.148.081.735	32.225.547.587
	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	10.234.006.409	8.606.294.586
Tổng			317.703.454.133	286.446.829.836

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch bán hàng				
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	40.007.369.073	56.015.810.510
Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	44.296.313.689	20.839.519.661
Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô (Xí nghiệp xe điện Hà Nội)	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	34.679.896.545	10.349.779.156
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	56.182.859.000	49.867.076.726
Trung tâm Tân Đạt - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	40.680.590.273	37.284.537.506
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	80.474.337.409	71.258.264.104
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	11.148.081.735	32.225.547.587
	Giao dịch bán hàng	Doanh thu bán hàng	10.234.006.409	8.606.294.586
Tổng			317.703.454.133	286.446.829.836

Formatted: Font: 11 pt, Vietnamese

b. Số dư với các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Bên liên quan (công nợ phải thu)	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	3.448.947.300	6.093.241.360
Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng	5.190.544.500	8.302.404.400
Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô	1.412.785.950	1.608.234.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng long	5.454.543.900	3.525.556.580
Trung tâm Tân Đạt	4.145.304.102	1.880.616.002
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	5.170.469.450	4.606.593.300
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng	1.029.724.000	325.061.600
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	3.866.674.300	4.013.650.200
Tổng	29.718.993.502	30.355.357.442

Bên liên quan (công nợ phải thu)	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	3.448.947.300	6.093.241.360
Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng	5.190.544.500	8.302.404.400
Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô	1.412.785.950	1.608.234.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng long	5.454.543.900	3.525.556.580
Trung tâm Tân Đạt	4.145.304.102	1.880.616.002
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	5.170.469.450	4.606.593.300
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ	1.029.724.000	325.061.600
Tổng hợp		
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	3.866.674.300	4.013.650.200
Tổng	29.718.993.502	30.355.357.442

Formatted: Font: 11 pt, Bold

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**c. e- Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị		Thù lao Hội đồng Quản trị	142.000.000	152.000.000
Ban điều hành		Thu nhập Ban điều hành	553.305.680	455.287.272

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị		Thù lao Hội đồng Quản trị	142.000.000	152.000.000
Ban điều hành		Thu nhập	553.305.680	455.287.272

Formatted: Bullets and Numbering

Formatted: Font: 11 pt, Bold

Formatted: Right

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.511.872.598	6.812.316.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.434.279.548	33.274.242.140
Tổng cộng	44.946.152.146	40.086.558.954
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	30.000.000.000	25.200.000.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	8.822.434.945	2.466.397.581
Chi phí phải trả	268.684.000	143.863.625
Tổng Cộng	39.091.118.945	27.810.261.206

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.511.872.598	6.812.316.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.434.279.548	33.274.242.140
Tổng	44.946.152.146	40.086.558.954
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	30.000.000.000	25.200.000.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	8.822.434.945	2.466.397.581
Chi phí phải trả	268.684.000	143.863.625
Tổng	39.091.118.945	27.810.261.206

Formatted: Font: 11 pt, Bold

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Formatted: Bullets and Numbering

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành Giáo dục.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Formatted: Indent: Left: 0"

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Formatted: Font: Bold, Not Italic

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tài sản tài chính khác

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.434.279.548	-	37.434.279.548
Phải thu khách hàng	37.384.449.404	-	37.384.449.404
Phải thu khác	49.830.144	-	49.830.144
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.434.279.548	-	37.434.279.548
Phải thu khách hàng	37.384.449.404	-	37.384.449.404
Phải thu khác	49.830.144	-	49.830.144

Formatted: Font: 11 pt, English (U.K.)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.274.242.140	-	33.274.242.140
Phải thu khách hàng	33.240.130.583	-	33.240.130.583
Phải thu khác	34.111.557	-	34.111.557
01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.274.242.140	-	33.274.242.140
Phải thu khách hàng	33.240.130.583	-	33.240.130.583
Phải thu khác	34.111.557	-	34.111.557

Formatted: Font: 11 pt, English (U.K.)

Công nợ tài chính khác

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	38.277.318.945	813.800.000	39.091.118.945
Phải trả khách hàng	4.498.592.445	-	4.498.592.445
Phải trả khác	3.510.042.500	813.800.000	4.323.842.500
Chi phí phải trả	268.684.000	-	268.684.000
Các khoản vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000

Formatted: Font: 11 pt, English (U.K.)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	27.352.250.706	458.010.500	27.810.261.206
Phải trả khách hàng	262.850.605	-	262.850.605
Phải trả khác	1.745.536.476	458.010.500	2.203.546.976
Chi phí phải trả	143.863.625	-	143.863.625
Các khoản vay	25.200.000.000		25.200.000.000
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	38.277.318.945	813.800.000	39.091.118.945
Phải trả khách hàng	4.498.592.445	-	4.498.592.445
Phải trả khác	3.510.042.500	813.800.000	4.323.842.500
Chi phí phải trả	268.684.000	-	268.684.000
Các khoản vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	27.352.250.706	458.010.500	27.810.261.206
Phải trả khách hàng	262.850.605	-	262.850.605
Phải trả khác	1.745.536.476	458.010.500	2.203.546.976
Chi phí phải trả	143.863.625	-	143.863.625
Các khoản vay	25.200.000.000		25.200.000.000

Formatted: Font: 11 pt, English (U.K.)

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013

Giám đốc

Formatted Table

Nguyễn Thị Ngân
Ngọc Lan

Đoàn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Trọng Hậu

Formatted: Left

Formatted: Left

Formatted: Left

Formatted: Left

Formatted: Indent: Left: 0"